

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 863/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Anh **Trần Duy T**, sinh năm: 1990; CCCD số: 046090008928; Địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

2. Chị **Trần Thị T1**, sinh năm: 1995; CCCD số: 046195011357; Địa chỉ: **Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 11-10-2024, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần Duy T** và chị **Trần Thị T1** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 15/5/2018.

Qua hòa giải, vợ chồng thừa nhận không đoàn tụ được; hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh **T**, chị **T1** thừa nhận có 02 người con chung là cháu **Trần Duy N**, sinh ngày: 07/8/2018 và **Trần Thị Thanh T2**, sinh ngày: 26/12/2019.

Các đương sự thỏa thuận: Giao cháu **Trần Duy N** cho anh **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu **Trần Thị Thanh T2** cho chị **T1** trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Anh **T**, chị **T1** thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình là tự nguyện, có căn cứ nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Trần Duy T** và chị **Trần Thị T1**.

1.2. Về con chung: Giao cháu **Trần Duy N**, sinh ngày: 07/8/2018 cho anh **Trần Duy T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu **Trần Thị Thanh T2**, sinh ngày: 26/12/2019 cho chị **Trần Thị T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Trần Duy T** và chị **Trần Thị T1** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004801 ngày 03 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh **T**, chị **T1** đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- UBND phường Thuận An;
- Lưu HSVA;
- Lưu Ấn văn; HCTP.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Như Thuần